| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – VNSTEEL** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ***VNSTEEL – HOCHIMINH CITY METAL CORPORATION*** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| | ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** |
| | ***Independence - Freedom - Happiness*** |
| Số: 308 /CBTT-HMC | *TP.HCM, ngày 30 tháng 7 năm 2026* |
| | *Ho Chi Minh City, 30 July 2026* |

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH VNSTEEL Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL -Date: 2026.07.30 13:55:14+07'00'

# CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
## *INFORMATION DISCLOSURE*

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
**- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**
**To: - *State Securities Commission of Vietnam***
**- *Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE)***

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP HỒ CHÍ MINH – VNSTEEL**
*Name of organization: **VNSTEEL – HOCHIMINH City Metal Corporation***

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: **HMC**
- Địa chỉ/ *Address*: 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại/ Tel.: 028 38294623 Fax: 028 38290403
- Email: kimkhitp@metalhcm.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết 6 tháng đầu năm 2026.

*Report on corporate governance for the first 6 months of 2026*

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/07/2026 tại đường dẫn **https://metalhcm.com.vn**

*This information was published on the company's website on 29 July 2026, as in the link* **https://metalhcm.com.vn**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Người đại diện theo pháp luật**
**Legal representative**
**TỔNG GIÁM ĐỐC/ *GENERAL DIRECTOR***

M.S.D.N: 0300599360 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Lê Văn Quang**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – VNSTEEL**
VNSTEEL - HOCHIMINH CITY METAL CORPORATION

Số/No.: 301/CBTT-HMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*
*Independence - Freedom – Happiness*

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2026
*Ho Chi Minh City, July 21, 2026*

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT SÁU THÁNG ĐẦU NĂM 2026

## *REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE FIRST 6 MONTHS OF 2026*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM

*To:* - *State Securities Commission of Vietnam*
- *Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE)*

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Kim khí Thành Phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL

*Name of company*: VNSTEEL - HOCHIMINH CITY METAL CORPORATION

- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: 193 Đinh Tiên Hoàng, P.Tân Định, TP HCM

- Điện thoại/*Telephone*:: 028 38294623 Fax: 028 38290403 Email: kimkhitp@metalhcm.com.vn

- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 272.999.990.000 đồng

- Mã chứng khoán/*Stock symbol*: HMC

- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

*Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director*

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

*The implementation of internal audit: Implemented*

## I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders*

| Stt/ No. | Số NQ/QĐ Resolution /Decision No. | Ngày *Date* | Nội dung *Content* |
|---|---|---|---|
| 1 | 59/NQ-ĐHĐCĐ | 10/04/2026 | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 *Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.* |

## II. Hội đồng quản trị /*Board of Directors (BOD):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/*Information about the members of the Board of Directors:*

| Stt<br>*No.* | Thành viên HĐQT/<br>*Board of Directors' members* | Chức vụ/ *Position* | Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT/ HĐQT độc lập<br>*The date becoming/ceasing to be the member of the BOD* | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ngày bổ nhiệm<br>*Date of appointment* | Ngày miễn nhiệm/*Date of dismissal* |
| 1 | Ông/*Mr* Phạm Công Thảo | Chủ tịch HĐQT<br>*Chairman of the BOD* | 14/04/2025 | |
| 2 | Bà/*Mrs* Cù Thị Thùy Linh | TV HĐQT – Không điều hành<br>*Non-executive member of the BOD* | 28/03/2018 | |
| 3 | Ông/*Mr* Lê Văn Quang | TV HĐQT- Tổng Giám đốc<br>*Executive Director General Director* | 23/4/2024 | |
| 4 | Ông/*Mr* Nguyễn Bá An | TV độc lập của HĐQT/*Independent member of the BOD* | 23/4/2024 | |
| 5 | Bà/*Mrs* Nguyễn Thuý Ly | TV HĐQT – Không điều hành<br>*Non-executive member of the BOD* | 23/4/2024 | |

**2. Các cuộc họp HĐQT/*Meetings of the Board of Directors***

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT<br>*Board of Directors' members* | Số buổi họp HĐQT tham dự/ *Number of Board of Directors' meetings attended* | Tỷ lệ tham dự họp/ *Attendance rate* | Lý do không tham dự họp/*Reasons for absence* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông/*Mr* Phạm Công Thảo | 2 | 100% | |
| 2 | Ông/*Mr* Lê Văn Quang | 2 | 100% | |
| 3 | Bà/*Mrs* Cù Thị Thùy Linh | 2 | 100% | |
| 4 | Ông/*Mr* Nguyễn Bá An | 2 | 100% | |
| 5 | Bà/*Mrs* Nguyễn Thuý Ly | 2 | 100% | |

**3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ *Supervisory activities of the Board of Directors over the Board of Directors*:**

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT Công ty… Tại các cuộc họp thường kỳ, HĐQT tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của Công ty theo nghị quyết đã đề ra, xác định nhiệm vụ trọng tâm cho thời gian tiếp theo và thảo luận cùng Ban Giám đốc các giải pháp để thực hiện kế hoạch. Định kỳ, Ban Giám đốc báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty và việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

*The Board of Directors' supervisory activities over the Board of Executives are carried out in accordance with the Company's charter and the Board's operational regulations. During regular meetings, the Board of Directors reviews the Company's performance against approved resolutions, identifies key priorities for the upcoming period, and discuss with the Board of Executives solutions to execute the plans. The Board of Executives periodically reports to the Board of Directors on the Company's operations and the implementation of the Board's resolutions.*

Hội đồng quản trị kịp thời chỉ đạo và xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc giải quyết nhanh các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

*The Board of Directors provides timely direction and addresses issues arising within its authority, enabling the Board of Executives to swiftly resolve matters related to the Company's business operations.*

**4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*:** Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban/ *The Company's Board of Directors does not establish subcommittees.*

**5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị** (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026/*First 6 six months of 2026 report*)**/*Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Annual report)***

| STT<br>*No.* | Số NQ/ QĐ<br>*Resolution/ Decision No.* | Ngày<br>*Date* | Nội dung<br>*Content* | Tỷ lệ thông qua<br>*Approval rate* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 25/NQ-HMC | 13/2/2026 | Chốt danh sách cổ đông dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026<br>*Finalizing the list of shareholders attending the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.* | 100% |
| 2 | 31/NQ-HMC | 5/3/2026 | Quyết toán quỹ tiền lương năm 2025<br>*Finalization of 2025 salary fund* | 100% |
| 3 | 53/NQ-HMC | 24/3/2026 | Chấm dứt uỷ quyền đại diện phần vốn Cty CP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh-VNSTEEL tại Cty CP Thép Tấm lá Thống Nhất<br>*Termination of Authorization for the Capital Representative of VNSTEEL - HOCHIMINH City Metal JSC at Thong Nhat Steel Sheet JSC* | 100% |
| 4 | 54/NQ-HMC | 24/3/2026 | Uỷ quyền đại diện phần vốn Cty CP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh- VNSTEEL tại Cty CP Thép Tấm lá Thống Nhất<br>*Authorization of Capital Representative of VNSTEEL - HOCHIMINH City Metal JSC at Thong Nhat Steel Sheet JSC* | 100% |
| 5 | 56/NQ-HMC | 2/4/2026 | Thông qua nội dung tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2026<br>*Approve the content of documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.* | 100% |

| STT<br>*No.* | Số NQ/ QĐ<br>*Resolution/ Decision No.* | Ngày<br>*Date* | Nội dung<br>*Content* | Tỷ lệ thông qua<br>*Approval rate* |
|---|---|---|---|---|
| 6 | 60/NQ-HMC | 13/4/2026 | Chấp thuận cán bộ đi công tác nước ngoài<br>*Approval for employees to undertake an overseas business trip* | |
| 7 | 63/NQ-HMC | 20/4/2026 | Ký hợp đồng tín dụng với các ngân hàng năm 2026<br>*Signing of credit agreements with banks in 2026.* | 100% |
| 8 | 64/NQ-HMC | 20/4/2026 | Đánh giá kết quả kinh doanh quý 1 năm 2026; nhiệm vụ trọng tâm qúy 2 năm 2026<br>*Assessment of business results in Q1 2026; Key tasks in Q2 2026* | 100% |
| 9 | 77/QĐ-HMC | 24/4/2026 | Ban hành Quy chế quản lý tiền lương của Công ty<br>*Promulgation of the Company's Salary Management Regulations* | 100% |
| 10 | 120/NQ-HMC | 5/6/2026 | Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2025<br>*Finalization of the shareholder list for exercising the right to receive the 2025 dividend* | 100% |
| 11 | 126/NQ-HMC | 15/6/2026 | Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026<br>*Selection of auditing firm for 2026 Financial Statements.* | 100% |

**II1. Ban kiểm soát** (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026/*First 6 six months of 2026 report*)/*Board of Supervisors (BOS)*:

*1.* Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (TV BKS)/*Information about members of Board of Supervisors:*

| Stt<br>No. | Thành viên BKS/<br>*Members of Board of Supervisors* | Chức vụ<br>*Position* | Ngày bắt đầu/không còn là TV BKS<br>*The date becoming or ceasing to be the BOS member* | Trình độ chuyên môn<br>*Qualification* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bà/*Mrs* Hoàng Lê Ánh | Trưởng ban<br>*Head of the BOS* | 29/03/2014 | Cử nhân<br>*Bachelor's degree* |
| 2 | Bà/*Mrs* Đoàn Thị Thanh Thúy | TV BKS<br>*BOS member* | 02/04/2016 | Cử nhân<br>*Bachelor's degree* |
| 3 | Ông/*Mr* Hà Vân Sơn | TV BKS<br>*BOS member* | 23/4/2024 | Kỹ sư, Thạc sĩ QTKD<br>*Engineering degree, MBA* |

2. Các cuộc họp của Ban Kiểm Soát/*Meetings of Board of Supervisors*

| Stt<br>No. | Thành viên BKS/ *Members of Board of Supervisors* | Số buổi họp BKS tham dự/*Number of meetings attended* | Tỷ lệ tham dự họp<br>*Attendane rate* | Tỷ lệ biểu quyết<br>*Voting rate* | Lý do không tham dự họp<br>*Reasons for absence* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bà/*Mrs* Hoàng Lê Ánh | 1 | 100% | 100% | |
| 2 | Bà/*Mrs* Đoàn Thị Thanh Thúy | 1 | 100% | 100% | |
| 3 | Ông/*Mr* Hà Vân Sơn | 1 | 100% | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Executives and shareholders by Board of Supervisors*:

Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch 2026 và việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

*Supervise and monitor the implementation of the 2026 plans and the execution of resolutions of the General Meeting of Shareholders and the resolutions and decisions of the Board of Directors.*

Kiểm tra, thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty và qua đó đề xuất những kiến nghị đến HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại Công ty.

*Review and assess the Company's financial statements, and accordingly, propose recommendations to the Board of Directors and the Board of Executives regarding corporate governance matters.*

Trưởng ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành.

*The Head of the Board of Supervisors actively participate in all regular meetings of the Board of Directors and the monthly operational briefing meetings of the Board of Executives.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Executives, Board of Directors and other managers:*

Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý hỗ trợ, tạo điều kiện trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Ban kiểm soát phối hợp trao đổi với HĐQT và Ban Giám đốc các thông tin về việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty. Các kiến nghị của Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc ghi nhận và xem xét điều chỉnh.

*The Board of Supervisors has received support and facilitation from the Board of Directors, the Board of Executives, and other managers in performing its functions and duties. The Board of Supervisors has coordinated and exchanged information with the Board of Directors and the Board of Executives regarding the management and operation of the Company. Recommendations from the Board of Supervisors have been received and duly considered for adjustment by the Board of Directors and the Board of Executives.*

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors (if any):*

**IV. Ban điều hành/*Board of Executives***

| STT<br>*No.* | Thành viên Ban điều hành/Members *of Board of Executives* | Ngày tháng năm sinh<br>*Date of birth* | Trình độ chuyên môn<br>*Qualification* | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/<br>*Date of appointment / dismissal of members of the Board of Executives* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông/*Mr* Lê Văn Quang | 20/12/1978 | Cử nhân<br>*Bachelor's degree* | 23/4/2024 |
| 2 | Ông/*Mr* Lại Văn Quyền | 2/9/1978 | Cử nhân<br>*Bachelor's degree* | 9/6/2022 |
| 3 | Bà/*Mrs* Lê Thị Nguyệt | 8/4/1974 | Kỹ sư<br>*Engineering degree* | 1/11/2022 |

**V. Kế toán trưởng/*Chief Accountant***

| Họ và tên<br>*Name* | Ngày tháng năm sinh<br>*Date of birth* | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ<br>*Qualification* | Ngày bổ nhiệm<br>*Date of appointment* |
|---|---|---|---|
| Bà/*Mrs* Nguyễn Thị Hồng Mây | 07/10/1981 | Cử nhân<br>*Bachelor's degree* | 01/02/2023 |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance*:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

***VII. Danh sách về người có liên quan của công* ty niêm yết và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty /*The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company*:**

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*: **Phụ lục 1/ *Appendix 1***

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, người có liên quan của cổ đông lớn/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons, affiliated persons and affiliated organizations of major shareholder*: **Phụ lục 2/ *Appendix 2***

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: **không có**

*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: No*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects:*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây/*Transactions between the Company and any company in which members of the Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of the Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting)*: **Phụ lục 2/** ***Appendix 2***

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and any company in which affiliated persons with members of the Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO):* **Phụ lục 2/** ***Appendix 2***

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành

*Other transactions of the Company (if any) that may bring material or non- material benefits to members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers*

**VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026)/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (First 6 six months of 2026 report)***

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons*: **Phụ lục 3/*Appendix 3***

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company:*

| Stt No. | Người thực hiện giao dịch *Transaction executor* | Quan hệ với người nội bộ *Relationship with internal persons* | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ *Number of shares owned at the beginning of the period* | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ *Number of shares owned at the end of the period* | | Lý do tăng, giảm *Reasons for increasing, decreasing* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | *Số cổ phiếu Number of shares* | *Tỷ lệ Percentage* | Số cổ phiếu *Number of shares* | Tỷ lệ *Percentage* | |
| 1 | Bà/*Mrs* Nguyễn Thuý Ly | TV HĐQT *Member of the BOD* | 3.561.100 | 13,04% | 3.666.400 | 13,43% | Mua *Purchases of shares* |
| 3 | Bà/*Mrs* Đoàn Thị Thanh Thúy | TV BKS *Member of the BOS* | 7.730 | 0,03% | 6.730 | 0,02% | Bán *Sales of shares* |

| Stt No. | Người thực hiện giao dịch *Transaction executor* | Quan hệ với người nội bộ *Relationship with internal persons* | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ *Number of shares owned at the beginning of the period* | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ *Number of shares owned at the end of the period* | | Lý do tăng, giảm *Reasons for increasing, decreasing* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | *Số cổ phiếu Number of shares* | *Tỷ lệ Percentage* | Số cổ phiếu *Number of shares* | Tỷ lệ *Percentage* | |
| 4 | Bà /Mrs Hoàng Lê Ánh | Trưởng BKS /CBTT/PT QT Cty *Head of the BOS/ authorized person to disclose information/ Corporate Governance Officer* | | | 8.300 | 0,03% | Mua Purchases of shares |

**VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/*Other significant issues***

**CHỦ TỊCH HĐQT**
***CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS***

M.S.D.N: 0300399360 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Phạm Công Thảo**

**Phụ lục 1/*Appendix 1 :* Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company***

| stt No. | Họ tên *Name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán *Securities trading account* | Chức vụ tại công ty *Position at the company* | Số Giấy *NSH No.*,* | Ngày cấp/ *date of issue* | Nơi cấp/ *place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person* | Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person* | Lý do *Reasons* | Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Công Thảo | | Chủ tịch HĐQT/ *Chairman of the Board of Directors* | | | | | 14/4/2025 | | | |
| 2 | Lê Văn Quang | | TV HĐQT TGĐ/ *BOD member, General Director* | | | | | 23/4/2024 | | | |
| 3 | Cù Thị Thùy Linh | | TV HĐQT *BOD member* | | | | | 28/03/2018 | | | |
| 4 | Nguyễn Bá An | | TV HĐQT/*BOD member* | | | | | 23/4/2024 | | | |
| 5 | Nguyễn Thúy Ly | | TV HĐQT/*BOD member* | | | | | 23/4/2024 | | | |
| 6 | Lại Văn Quyền | | Phó TGĐ *Deputy General Director* | | | | | 01/02/2019 | | | |

| stt No. | Họ tên *Name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán *Securities trading account* | Chức vụ tại công ty *Position at the company* | Số Giấy *NSH No.*,* | Ngày cấp/ *date of issue* | Nơi cấp/ *place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person* | Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person* | Lý do *Reasons* | Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Lê Thị Nguyệt | | Phó TGĐ *Deputy General Director* | | | | | 1/11/2022 | | | |
| 8 | Hoàng Lê Ánh | | Trưởng BKS /CBTT/PT QT Cty/ *Head of the BOS/authorized person to disclose information/ Corporate Governance Officer* | | | | | 24/03/2012 | | | |
| 9 | Đoàn Thị Thanh Thúy | | TV BKS/ *Member of the BOS* | | | | | 02/04/2016 | | | |
| 10 | Hà Vân Sơn | | TV BKS/*Member of the BOS* | | | | | 23/4/2024 | | | |
| 11 | Nguyễn Thị Hồng Mây | | KTT *Chief Accountant* | | | | | 1/2/2023 | | | |
| 12 | Đoàn Thị Minh Trang | | Người Phụ trách KTNB *Internal auditor* | | | | | 27/06/2023 | | | |

| stt No. | Họ tên *Name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán *Securities trading account* | Chức vụ tại công ty *Position at the company* | Số Giấy *NSH No.*,* | Ngày cấp/ *date of issue* | Nơi cấp/ *place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person* | Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person* | Lý do *Reasons* | Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP (*Viet Nam Steel Corporation* | | | 01001000 47 | 12/06/ 2015 | Hà Nội | 91 Láng Hạ, P. Đống Đa, Hà Nội *91 Lang Ha Street, Dong Da Ward, Hanoi* | 28/11/2006 | | | Cổ đông lớn/ *Major shareholders* |

**Phụ lục 2/*Appendix 2* Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của cổ đông lớn/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated organizations of major shareholder***

| STT<br>*No.* | Tên tổ chức/cá nhân<br>*Name of organization/ individual* | Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company* | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.* date of issue, place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address* | Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company* | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/ BOD* | Tổng giá trị giao dịch/*Total value of transaction*<br>*(VAT included)* | Ghi chú<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam- VNSTEEL (TMN)<br>*Vnsteel - Southern Steel Conmpany* | Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)/*Subsidiary of major shareholder (Viet Nam Steel Corporation)* - Ông Lê Việt - TGĐ TMN - là chồng bà Nguyễn Thuý Ly TV HĐQT/ *Mr Le Viet - General Director of TMN - is the husband of Mrs Nguyen Thuy Ly, Member of the BOD* | 3502269994 | KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, TPHCM<br>*Phu My 1 Industrial Zone, Phu My Ward, Ho Chi Minh City* | *1/1/2026 - 30/06/2026* | 59/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2026 | 1.076.453.699.858<br><br>1.066.168.159.582 | - Mua hàng hóa/ *Purchase of goods*<br><br>- Bán hàng hóa/*Sale of goods* |
| 2 | Công ty CP Thép Thủ Đức – VNSTEEL<br>*Vnsteel - Thu Duc Steel Joint Stock Company* | Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)/*Subsidiary of major shareholder (Viet Nam Steel Corporation)* | 0305409326 | Km9, Xa Lộ Hà Nội, Phường Thủ Đức, TP.HCM<br>*Km9, Hanoi Highway, Thu Duc Ward, Ho Chi Minh City* | | 236/NQ-HMC ngày 31/12/2025 | 66.855.971.343 | - Bán hàng hóa/*Sale of goods* |

| STT<br>*No.* | Tên tổ chức/cá nhân<br>*Name of organization/ individual* | Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company* | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.* date of issue, place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address* | Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company* | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/ BOD* | Tổng giá trị giao dịch/*Total value of transaction*<br>*(VAT included)* | Ghi chú<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công ty TNHH VinaKyoei<br>*Vina Kyoei Steel Limited* | Cty liên kết của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)/*Affiliated company of major shareholder (Viet Nam Steel Corporation)* | 3500106761 | KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, TPHCM<br>*Phu My 1 Industrial Zone, Phu My Ward, Ho Chi Minh City* | | 59/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2026 | 414.229.138.640<br><br>29.076.091.181 | - Mua hàng hóa/ *Purchase of goods*<br>- Bán hàng hóa/*Sale of goods* |
| 4 | Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung<br>*Central Vietnam Metal Corporation* | Cty liên kết của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)/*Affiliated company of major shareholder (Viet Nam Steel Corporation)* | 0400101605 | 69 Quang Trung, Phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng/*69 Quang Trung Street, Hai Chau Ward, Da Nang* | | 236/NQ-HMC ngày 31/12/2025 | 8.881.639 | - Bán hàng hóa/*Sale of goods* |
| 5 | Công ty CP Thép Nhà Bè – Vnsteel (TNB)<br>*Vnsteel - Nha Be Steel Joint Stock Company - Nhon Trach Branch* | - Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)/*Subsidiary of major shareholder (Viet Nam Steel Corp.)*<br>- TC có liên quan của TV HĐQT Cù Thị Thuỳ Linh và TV HĐQT Nguyễn Thuý Ly *Affiliated organization of Mrs Cu Thi Thuy Linh and Mrs Nguyen Thuy Ly, members of the BOD* | 0305393838 | KCN Nhơn Trạch II-Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai<br>*Nhon Trach II Industrial Zone-Nhon Phu, Nhon Trach Commune, Dong Nai Province* | | 59/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2026 | 136.227.363.800 | Bán hàng hóa/*Sale of goods* |

| STT<br>*No.* | Tên tổ chức/cá nhân<br>*Name of organization/ individual* | Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company* | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.* date of issue, place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address* | Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company* | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/ BOD* | Tổng giá trị giao dịch/*Total value of transaction*<br>*(VAT included)* | Ghi chú<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Công ty CP Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương VN *Vietrans International Forwarding and Warehousing Joint Stock Company* | Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)/*Subsidiary of major shareholder (Viet Nam Steel Corporation)* | 0300648264 | 102C Nguyễn Văn Cừ, phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh,<br>*102C Nguyen Van Cu Street, Ward Cau Ong Lanh, Ho Chi Minh City* | | 236/NQ-HMC ngày 31/12/2025 | 656.086.770 | Mua dịch vụ/*purchase of services* |
| 7 | Công ty CP Gang thép Thái Nguyên (TISCO) *Thai Nguyen Iron and Steel Joint Stock Company* | Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)/*Subsidiary of major shareholder (Viet Nam Steel Corporation)* | 4600100155 | Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên *Gia Sang Ward, Thai Nguyen Province* | | 59/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2026 | 162.757.080.508 | - Mua hàng hóa/Purchase of goods |
| 8 | Công ty TNHH MTV VINAUSTEEL *Vinausteel Company Limited* | Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)/*Subsidiary of major shareholder (Viet Nam Steel Corporation)* | 0200902799 | Lô CN2.8, Cụm công nghiệp Đặng Lễ, Xã Nguyễn Trãi, Tỉnh Hưng Yên *Lot CN2.8, Dang Le Industrial Cluster, Nguyen Trai Commune, Hung Yen Province* | | 59/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2026 | 220.351.839.510 | - Bán hàng hóa/*Sale of goods* |

| STT<br>*No.* | Tên tổ chức/cá nhân<br>*Name of organization/ individual* | Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company* | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.* date of issue, place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address* | Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company* | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/ BOD* | Tổng giá trị giao dịch/*Total value of transaction*<br>*(VAT included)* | Ghi chú<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Công ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất<br>*Thong Nhat Flat Steel., JSC* | - Cty liên kết của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)/*Affiliated company of the parent company (Vietnam Steel Corporation)*<br>- TC có liên quan của TGĐ Lê Văn Quang, KTT Nguyễn Thị Hồng Mây/*Organizations related to General Director Le Van Quang and Chief Accountant Nguyen Thi Hong May* | 3500820408 | KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, TPHCM<br>*Phu My 1 Industrial Zone, Phu My Ward, Ho Chi Minh City* | | 59/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2026 | 72.179.664.542<br>107.644.497.928 | - Mua hàng hoá/*purchase of goods*<br>- Bán hàng hóa/*Sale of goods* |
| 10 | Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC – VNSTEEL<br>*MDC - VNSTEEL Consulting Company Ltd.* | Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)/Subsidiary of major shareholder (Viet Nam Steel Corporation | 0313874126 | Số 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh<br>*56 Thu Khoa Huan Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City* | | | 33.565.000 | Mua dịch vụ/*Purchase of services* |
| 11 | Công ty Tôn Phương Nam (SSSC)<br>*Southern Steel Sheet Co., Ltd.* | - Cty liên kết của Công ty mẹ (TCTy Thép VN – CTCP)/*Affiliated company of the parent company (Vietnam Steel Corporation)* | 3600236891 | Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.<br>*Road No. 3, Nhon* | | 59/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2026 | 15.617.721.068<br>72.886.714.277 | - Mua hàng hoá/*purchase of goods*<br>- Bán hàng hóa/*Sale of goods* |

| STT<br><br>*No.* | Tên tổ chức/cá nhân<br><br>*Name of organization/ individual* | Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company* | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.* date of issue, place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address* | Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company* | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/ BOD* | Tổng giá trị giao dịch/*Total value of transaction*<br><br>*(VAT included)* | Ghi chú<br><br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *Trach 2 – Nhon Phu Industrial Zone, Nhon Trach Commune, Dong Nai Province* | | | | |
| 12 | Công ty TNHH TMV Thép Tấm Lá Phú Mỹ - Vnsteel<br>*Vnsteel – Phu My Flat Steel Company Limited* | Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)/*Subsidiary of major shareholder (Viet Nam Steel Corporation)* | 3502270157 | KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, TPHCM<br>*Phu My 1 Industrial Zone, Phu My Ward, Ho Chi Minh City* | | 59/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2026 | 77.173.549.200 | - Bán hàng hóa/*Sale of goods* |

**Phụ lục 3/*Appendix 3***

# DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TPHCM - VNSTEEL

***The list of internal persons and their affiliated persons***

| Stt *No.* | Họ tên *Name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account | Chức vụ tại công ty/ Position at the company | **Số Giấy NSH (*) NSH No.** | Ngày cấp date of issue | Nơi cấp place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ *Address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | **Ghi chú** *Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 3 | 4 | 5 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 17 |
| **1** | **Phạm Công Thảo** | | **Chủ tịch HĐQT /*Chairman of the Board of Directors*** | | | | | | | |
| 1.01 | Phạm Công Tham | | | | | | | | | |
| 1.02 | Nguyễn Thị Xiêm | | | | | | | | | |
| 1.03 | Nguyễn Thị Chí | | | | | | | | | |
| 1.04 | Đặng Thị Oanh Oanh | | | | | | | | | |
| 1.05 | Phạm Hà Thảo Chi | | | | | | | | | |
| 1.06 | Phạm Minh Tuấn | | | | | | | | | Còn nhỏ |
| 1.07 | Phạm Hà Anh | | | | | | | | | |
| 1.08 | Phạm Thu Thủy | | | | | | | | | |
| 1.09 | Phạm Ngô Thùy Ninh | | | | | | | | | |
| 1.10 | Nguyễn Năng Hải Nam | | | | | | | | | |
| 1.12 | Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP *Vietnam Steel Corporation* | | | 0100100047 | | Sở KH và ĐT TP Hà Nội | 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội *91 Lang Ha Street, Dong Da Ward, Hanoi* | 15.197.741 | 55,67% | |

| 1 | 3 | 4 | 5 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 17 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **2** | **Lê Văn Quang** | | **TV HĐQT - TGĐ/** ***BOD member, General Director*** | | | | | 0 | | |
| 2.01 | Lê Có | | | | | | | 0 | | |
| 2.02 | Phạm Thị Tứ | | | | | | | 0 | | |
| 2.03 | Phạm Thị Ánh Vân | | | | | | | 0 | | |
| 2.04 | Lê Quang Minh | | | | | | | 0 | | |
| 2.05 | Lê Minh Thư | | | | | | | 0 | | |
| 2.06 | Lê Quang Trí | | | | | | | 0 | | Còn nhỏ, chưa có CCCD |
| 2.07 | Lê Văn Phước | | | | | | | 0 | | |
| 2.08 | Nguyễn Thị Thu Hồng | | | | | | | 0 | | |
| 2.09 | Lê Thị Huệ | | | | | | | 0 | | |
| 2.10 | Lê Thị Hạnh | | | | | | | 0 | | |
| 2.11 | Trương Đình Bé | | | | | | | 0 | | |
| 2.12 | Lê Văn Đại | | | | | | | 0 | | |
| 2.13 | Nguyễn Thị Duyên | | | | | | | 0 | | |
| 2.14 | Lê Thị Lợi | | | | | | | 0 | | |
| 2.15 | Nguyễn Xuân Anh | | | | | | | 0 | | |
| 2.16 | Phạm Văn Chạy | | | | | | | 0 | | |
| 2.17 | Nguyễn Thị Nhàn | | | | | | | 0 | | |
| 2.18 | Công ty cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất *Thong Nhat Flat Steel Joint Stock Company* | | | 3500820408 | | | KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, TPHCM *Phu My 1 Industrial Zone, Phu My Ward, Ho Chi Minh City* | | | |

| 1 | 3 | 4 | 5 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 17 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **3** | **Cù Thị Thùy Linh** | | **TV HĐQT /*BOD member*** | | | | | 0 | 0 | |
| 3.01 | Bùi Đức Toàn | | | | | | | 0 | 0 | |
| 3.02 | Bùi Thái Duy | | | | | | | 0 | 0 | |
| 3.03 | Bùi Thùy Chi | | | | | | | 0 | 0 | |
| 3.04 | Cù Năng Hà | | | | | | | 0 | 0 | |
| 3.05 | Hàn Thị Mận | | | | | | | 0 | 0 | |
| 3.06 | Bùi Hợp Hoàn | | | | | | | 0 | 0 | |
| 3.07 | Võ Thị Tuyết | | | | | | | 0 | 0 | |
| 3.08 | Cù Minh Đức | | | | | | | 0 | 0 | |
| 3.09 | Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng *Da Nang Steel Joint Stock Company* | | | 0400101549 | | | Đường Tạ Quang Bửu, KCN Liên Chiểu, Phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng *Ta Quang Buu Street, Lien Chieu Industrial Park, Hai Van Ward, Da Nang City* | | | |
| 3.10 | Công ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL *VNSTEEL - Nha Be Steel Joint Stock Company* | | | 0305393838 | | | KCN Nhơn Trạch II-Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai Nhon Trach II *Industrial Zone-Nhon Phu, Nhon Trach Commune, Dong Nai Province* | | | |
| 4 | **Nguyễn Bá An** | | **TV HĐQT /*BOD member*** | | | | | 0 | | |
| 4.01 | Phạm Thị Bích Nhung | | | | | | | 0 | | |

| 1 | 3 | 4 | 5 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 17 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4.02 | Nguyễn Phạm Bích Huyền | | | | | | | 0 | | |
| 4.03 | Nguyễn Phạm Hương Giang | | | | | | | 0 | | |
| 4.04 | Trần Quang Thịnh | | | | | | | 0 | | |
| 4.05 | Nguyễn Bá Toàn | | | | | | | 0 | | |
| 4.06 | Đoàn Thị Thu Trang | | | | | | | 0 | | |
| **5** | **Nguyễn Thúy Ly** | | **TV HĐQT /*BOD member*** | | | | | 3.666.400 | 13,43% | |
| 5.01 | Lê Việt | | | | | | | 0 | 0 | |
| 5.02 | Lê Vinh | | | | | | | 15.500 | 0,057% | |
| 5.03 | Lê Văn | 0 | | | | | | 0 | 0 | |
| 5.04 | Nguyễn Thái Huy | | | | | | | 0 | | |
| 5.05 | Lê Thị Dậu | | | | | | | 0 | | |
| 5.06 | Nguyễn Thúy Lan | | | | | | | 0 | | |
| 5.07 | Đỗ Minh Quân | | | | | | | 0 | | |
| 5.08 | Nguyễn Thúy Liên | | | | | | | 0 | | |
| 5.09 | Võ Lai | | | | | | | 0 | | |
| 5.10 | Nguyễn Thúy Linh | | | | | | | 0 | | |
| 5.11 | Nguyễn Thị Kim Loan | | | | | | | 0 | | |
| 5.12 | Đoàn Tuấn Dũng | | | | | | | 0 | | |
| 5.13 | Nguyễn Mạnh Trí | | | | | | | 0 | | |
| 5.14 | Vũ Bích Thùy Trang | | | | | | | 0 | | |
| 5.15 | Nguyễn Mạnh Tiến | | | | | | | 0 | | |
| 5.16 | Võ Thị Hồng Nhung | | | | | | | 0 | | |
| 5.17 | Nguyễn Thị Quỳnh | | | | | | | 0 | | |

| 1 | 3 | 4 | 5 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 17 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5.18 | Công ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL *VNSTEEL - Nha Be Steel Joint Stock Company* | | | 0305393838 | | | KCN Nhơn Trạch II-Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai Nhon Trach II *Industrial Zone-Nhon Phu, Nhon Trach Commune, Dong Nai Province* | 0 | | |
| **6** | **Hoàng Lê Ánh** | | **Trưởng BKS /CBTT/PT QT Cty/ *Head of the BOS/authorized person to disclose information/ Corporate Governance Officer*** | | | | | 8.300 | 0,03% | |
| 6.01 | Hoàng Vũ Dương | | | | | | | 0 | 0 | |
| 6.02 | Lê Thị Thơ | | | | | | | 0 | 0 | |
| 6.03 | Hoàng Quang Huy | | | | | | | 0 | 0 | |
| 6.04 | Hoàng Trọng | | | | | | | 0 | 0 | |
| 6.05 | Hoàng Hải Triều | | | | | | | 0 | 0 | |
| 6.06 | Hoàng Hải Phong | | | | | | | 0 | 0 | |
| 6.07 | Nguyễn Lương Hạ Uyên | | | | | | | 0 | 0 | |
| 6.08 | Nguyễn Thị Ngọc Vân | | | | | | | | | |
| **7** | **Đoàn Thị Thanh Thúy** | | **TV BKS/ *Member of the BOS*** | | | | | 6.730 | 0,02% | |
| 7.1 | Trần Anh Dũng | | | | | | | 19.110 | 0,07% | |
| 7.2 | Trần Đoàn Khánh Vân | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.3 | Trần Anh Quân | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.4 | Nguyễn Thị Lội | | | | | | | 0 | 0 | |

| 1 | 3 | 4 | 5 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 17 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7.5 | Ngô Thị Thoa | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.6 | Trần Luận | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.7 | Đoàn Thanh Dũng | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.8 | Đoàn Thị Thanh Nga | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.9 | Đoàn Thị Bi Tô | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.10 | Đoàn Thanh Thiệu | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.11 | Đoàn Thị Thanh Bình | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.12 | Đoàn Thị Bích Nhung | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.13 | Đoàn Quang Trưởng | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.14 | Đoàn Thị Mỹ Hạnh | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.15 | Tô Thị Kim Ngân | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.16 | Trần Thị Xuân Hương | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.17 | Hoàng Thị Kim Anh | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.18 | Mai Tấn Trí | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.19 | Phạm Sỹ Hữu | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.20 | Nguyễn Đức Hòa | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.21 | Đỗ Công | | | | | | | 0 | 0 | |
| 7.22 | Hoàng Hà | | | | | | | 0 | 0 | |
| **8** | **Hà Vân Sơn** | | **TV BKS/ *Member of the BOS*** | | | | | 0 | | |
| 8.1 | Tống Thị Ngoan | | | | | | | 0 | | |
| 8.2 | Chử Khắc Dương | | | | | | | 0 | | |
| 8.3 | Phạm Thị Toàn | | | | | | | 0 | | |
| 8.4 | Hà Vân Oanh | | | | | | | 0 | | |
| 8.5 | Tạ Mạnh Hùng | | | | | | | 0 | | |
| 8.6 | Chử Thị Thanh Huyền | | | | | | | 0 | | |

| 1 | 3 | 4 | 5 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 17 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8.7 | Hà Minh Tuấn | | | | | | | 0 | | Còn nhỏ, chưa có CCCD |
| 8.8 | Hà Hải Bình | | | | | | | 0 | | Chưa có CCCD |
| **9** | **Lại Văn Quyền** | | **Phó TGĐ /*Deputy General Director*** | | | | | 0 | 0 | |
| 9.1 | Lại Duy Hiển | | | | | | | 0 | 0 | |
| 9.2 | Nguyễn Thị Vóc | | | | | | | 0 | 0 | |
| 9.3 | Vũ Ánh Ngọc | | | | | | | 0 | 0 | |
| 9.4 | Đỗ Thị Mến | | | | | | | 0 | 0 | |
| 9.5 | Vũ Thị Kiều Trang | | | | | | | 0 | 0 | |
| 9.6 | Lại Thị Liễu | | | | | | | 0 | 0 | |
| 9.7 | Lại Quang Vinh | | | | | | | 0 | 0 | |
| 9.8 | Lại Văn Cung | | | | | | | 0 | 0 | |
| 9.9 | Nguyễn Văn Ruyên | | | | | | | 0 | 0 | |
| 9.10 | Đặng Thị Thu | | | | | | | 0 | 0 | |
| 9.11 | Bùi Thị Huê | | | | | | | 0 | 0 | |
| 9.12 | Lại Vũ Khánh Linh | | | | | | | 0 | 0 | Còn nhỏ, chưa có CCCD |
| 9.13 | Lại Mỹ Dung | | | | | | | 0 | 0 | Còn nhỏ, chưa có CCCD |
| 9.14 | Lại Anh Tuấn | | | | | | | 0 | 0 | Còn nhỏ, chưa có CCCD |
| **10** | **Lê Thị Nguyệt** | | **Phó TGĐ /*Deputy General Director*** | | | | | 0 | 0 | |
| 10.1 | Nguyễn Huy Thọ | | | | | | | 0 | 0 | |
| 10.2 | Nguyễn Huy Quang | | | | | | | 0 | 0 | |
| 10.3 | Nguyễn Lê Nguyệt Ánh | | | | | | | 0 | 0 | |

| 1 | 3 | 4 | 5 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 17 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10.4 | Đỗ Thị Thoa | | | | | | | 0 | 0 | |
| 10.5 | Lê Thị Tam | | | | | | | 0 | 0 | |
| 10.6 | Lê Thị Hải Nga | | | | | | | 0 | 0 | |
| 10.7 | Đỗ Thái Hà | | | | | | | 0 | 0 | |
| 10.8 | Lê Thị Hằng | | | | | | | 0 | 0 | |
| 10.9 | Phạm Quang Tuyến | | | | | | | 0 | 0 | |
| 10.10 | Lê Thị Hòa | | | | | | | 0 | 0 | |
| 10.11 | Chu Văn Bộ | | | | | | | 0 | 0 | |
| **11** | **Nguyễn Thị Hồng Mây** | | **KTT /*Chief Accountant*** | | | | | - | | |
| 11.1 | Đỗ Tuấn Anh | | | | | | | 0 | 0 | |
| 11.2 | Đỗ Trung Nghĩa | | | | | | | 0 | 0 | |
| 11.3 | Vũ Thị Ngần | | | | | | | 0 | 0 | |
| 11.4 | Nguyễn Thị Mùi | | | | | | | 0 | 0 | |
| 11.5 | Nguyễn Thị Thanh Hương | | | | | | | 0 | 0 | |
| 11.6 | Nguyễn Thanh Phú | | | | | | | 0 | 0 | |
| 11.7 | Nguyễn Minh Giang | | | | | | | 0 | 0 | |
| 11.8 | Lưu Đức Bảy | | | | | | | 0 | 0 | |
| 11.9 | Nguyễn Thế Linh | | | | | | | 0 | 0 | |
| 11.10 | Nguyễn Thị Thơm | | | | | | | 0 | 0 | |
| 11.11 | Nguyễn Chí Minh | | | | | | | 0 | 0 | |
| 11.12 | Nguyễn Thị Hồng Tiền | | | | | | | 0 | 0 | |

| 1 | 3 | 4 | 5 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 17 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11.13 | Công ty cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất *Thong Nhat Flat Steel Joint Stock Company* | | | 3500820408 | | | KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, TPHCM *Phu My 1 Industrial Zone, Phu My Ward, Ho Chi Minh City* | | | |
| **12** | **Đoàn thị Minh Trang** | | **Người Phụ trách KTNB /*Internal auditor*** | | | | | 10.200 | 0,04% | |
| 12.1 | Lê Hoàng Hà | | | | | | | | | |
| 12.2 | Lê Đoàn Xuân Bách | | | | | | | | | |
| 12.3 | Đào Thị Hoa | | | | | | | | | |
| 12.4 | Đoàn Minh Trung | | | | | | | | | |
| 12.5 | Đoàn Minh Hiếu | | | | | | | | | Định cư tại Mỹ |
| 12.6 | Đoàn Minh Thiện | | | | | | | | | |
| 12.7 | Đoàn Minh Tùng | | | | | | | | | |
| 12.8 | Đoàn Minh Thảo | | | | | | | | | |
| 12.9 | Nguyễn Thị Xuân | | | | | | | | | |
| 12.10 | Lê Thị Mỹ Kiều | | | | | | | | | |
| **13** | **Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP** ***Vietnam Steel Corporation*** | | | 0100100047 | 12/06/2015 | Hà Nội | 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội *91 Lang Ha Street, Dong Da Ward, Hanoi* | 15.197.741 | 55,70% | |